

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP; HỖ TRỢ HỌC BỔNG, PHƯƠNG TIỆN, ĐỒ DÙNG HỌC TẬP CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT THEO TT42 /2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTĐHXH-BTC VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO HỌC SINH DÂN TỘC THIẾU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI THEO NĐ 57/2017/NĐ-CP CHO CÁC TRƯỜNG HỌC KHỐI THCS - KỶ II NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị	Miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP										Hỗ trợ học bổng theo Thông tư số 42 /2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTĐHXH-BTC				Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP				Tổng số tiền cấp	Ghi chú								
		Mức thu học phí 1 tháng (đồng)	Miễn học phí				Giảm học phí				Cộng tổng KP cấp bù	Hỗ trợ chi phí học tập				Số học sinh	Số tháng	Mức hỗ trợ học bổng (80% x 2.340.000đ)	Số tiền			Số học sinh	Số tháng	Mức hỗ trợ (40%x2.340.000đ)	Số tiền				
			Số tháng	Số HS	Số tiền học phí được miễn	Cộng	Số tháng	Số HS	Số tiền học phí được giảm	Cộng		Số tháng	Số HS	Mức hỗ trợ (150.000đ/hs/tháng)	Thành tiền														
A	B	I	2	3	4=1x2x3	5	6	7	8=(1x6x7)x 0,5	9	10=5+9	11	12	13	14=11x12x13	15	16	17	18=15x16x17	19	20	21	22=19x20x21	23=10+14+18+22					
1	Trường THCS Trường Yên	57.000	5	15	4.275.000	4.275.000	5	13	1.852.500	1.852.500	6.127.500	5	15	150.000	11.250.000	1	5	1.872.000	9.360.000							26.737.500			
2	Trường THCS Ninh Hoà	57.000	5	2	570.000	570.000	5	14	1.995.000	1.995.000	2.565.000	5	2	150.000	1.500.000				0								4.065.000		
3	Trường THCS Ninh Giang	107.000	5	4	2.140.000	2.140.000	5	4	1.070.000	1.070.000	3.210.000	5	3	150.000	2.250.000				0								5.460.000		
4	Trường THCS Ninh Mỹ	107.000	5	3	1.605.000	1.605.000	5	5	1.337.500	1.337.500	2.942.500	5	3	150.000	2.250.000				0	1	6	936.000	5.616.000				10.808.500		
5	Trường THCS Ninh Xuân	57.000	5	3	855.000	855.000	5	4	570.000	570.000	1.425.000	5	3	150.000	2.250.000				0								3.675.000		
6	Trường THCS Ninh An	57.000	5	4	1.140.000	1.140.000	5	7	997.500	997.500	2.137.500	5	4	150.000	3.000.000				0								5.137.500		
7	Trường THCS Ninh Vân	57.000	5	6	1.710.000	1.710.000	5	13	1.852.500	1.852.500	3.562.500	5	6	150.000	4.500.000				0								8.062.500		
8	Trường THCS Ninh Hải	57.000	5	5	1.425.000	1.425.000	5	2	285.000	285.000	1.710.000	5	4	150.000	3.000.000				0								4.710.000		
9	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng (Phường Ninh Mỹ)	107.000	5	7	3.745.000	3.745.000	5	8	2.140.000	2.140.000	5.885.000	5	7	150.000	5.250.000				0								11.135.000		
10	Trường THCS Lý Tự Trọng	57.000	5	2	570.000	8.595.000	5	1	142.500	2.282.500	10.877.500	5	12	150.000	9.000.000				0									19.877.500	
		107.000	5	15	8.025.000		5	8	2.140.000																				
11	Trường THCS Lê Hồng phong	107.000	5	7	3.745.000	4.720.000	5	6	1.605.000	1.605.000	6.325.000	5	4	150.000	3.000.000				0									9.325.000	Dân tộc Mường KV3
		39.000	5	5	975.000		5	0																					
12	Trường THCS Đinh Tiên Hoàng (Phường Bích Đào)	107.000	5	10	5.350.000	5.350.000	5	3	802.500	802.500	6.152.500	5	7	150.000	5.250.000				0								11.402.500		
13	Trường THCS Trương Hán Siêu	107.000	5	11	5.885.000	5.885.000	5	6	1.605.000	1.605.000	7.490.000	5	6	150.000	4.500.000				0								11.990.000		
14	Trường THCS Ninh Thành	57.000	5		0	9.095.000	5	1	142.500	2.015.000	11.110.000	5	17	150.000	12.750.000	1	5	1.872.000	9.360.000									33.220.000	
		107.000	5	17	9.095.000		5	7	1.872.500																				
15	Trường THCS Quang Trung	107.000	5	10	5.350.000	5.350.000	5	3	802.500	802.500	6.152.500	5	8	150.000	6.000.000	1	5	1.872.000	9.360.000								21.512.500		
16	Trường THCS Ninh Nhất	57.000	5	5	1.425.000	1.425.000	5	4	570.000	570.000	1.995.000	5	5	150.000	3.750.000				0								5.745.000		
17	Trường THCS Ninh Tiến	57.000	5	6	1.710.000	3.850.000	5	12	1.710.000	1.977.500	5.827.500	5	10	150.000	7.500.000	1	9	1.872.000	16.848.000									30.175.500	
		107.000	5	4	2.140.000		5	1	267.500																				
18	Trường THCS Ninh Phong	107.000	5	6	3.210.000	3.210.000	5	9	2.407.500	2.407.500	5.617.500	5	6	150.000	4.500.000				0								10.117.500		
19	Trường THCS Ninh Sơn	107.000	5	8	4.280.000	4.280.000	5	14	3.745.000	3.745.000	8.025.000	5	8	150.000	6.000.000	1	5	1.872.000	9.360.000								23.385.000		

